

Số: 94 /2020/CBTT-FTM

Thái Bình, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Mã chứng khoán: **FTM**

Trụ sở chính: Lô A3 KCN Nguyễn Đức Cảnh – TP. Thái Bình – T. Thái Bình

Điện thoại: 02273.845.379 Fax: 02273.845.305

Người thực hiện công bố thông tin: Đỗ Văn Sinh – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số nhà 03, Ngõ 13, Đường Nguyễn Danh Đối, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển Đức Quân công bố thông tin Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 .

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 13 /08/2019 tại Website: www.fortex.com.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT
- Lưu.

Thái Bình, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Người thực hiện công bố thông tin



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Văn Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

17
ÔN
T
LIÊN
U
HX

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên
Bà Đỗ Thị Bích Vân	Thành viên
Bà Trần Thị Mỹ Châu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Bà Lê Thủy Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn An Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lưu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Sinh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trường Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đỗ Văn Sinh - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại dịch Covid 19 đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến ngành sản xuất sợi trong đó có Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân. Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Chúng tôi tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng do đại dịch mang tới. Chúng tôi đã và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi - phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Đỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

3.
T)
H
J
T
1-3

Số: 081205/2020/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2020, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2020, Công ty phát sinh khoản lỗ trên Báo cáo tài chính là 101.904.886.648 đồng, luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh âm là 45.843.925.864 đồng; Các khoản vay ngân hàng quá hạn chưa được thanh toán là 286.675.488.528 đồng và Lãi vay ngân hàng quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ số tiền 191.009.430.574 đồng. Đồng thời, như đã trình bày tại thuyết minh số VII.3 về các diễn biến của dịch Covid 19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp, đồng thời còn phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản đầu tư của Công ty. Những điều kiện này cùng các vấn đề khác như đã trình bày tại thuyết minh số VII.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán ngày 30/06/2020, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi quá hạn thanh toán số tiền 6.634.145.881 đồng. Theo đó, nếu khoản dự phòng này được ghi nhận, trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh chỉ tiêu "chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng số tiền 6.634.145.881 đồng, đồng thời chỉ tiêu "lợi nhuận kế toán trước thuế" giảm số tiền tương ứng; trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng thêm 6.634.145.881 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" cũng sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý tại phần Thuyết minh báo cáo tài chính các thuyết minh số V.4, Công ty đang trả trước cho Công ty CP Đầu tư 3GR để đặt mua bông nguyên liệu; thuyết minh số V.5 - Công ty có các khoản cho vay ngắn hạn, dài hạn không có tài sản đảm bảo; thuyết minh số V.6 - Công ty có các khoản hợp tác đầu tư chưa đánh giá được tính hiệu quả. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan tới vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đức Quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên năm trước đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Trần Thiện Thanh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		828.150.618.447	838.970.949.109
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.398.275.642	12.371.157.159
1. Tiền	111		4.398.275.642	12.371.157.159
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	220.000.000	220.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		220.000.000	220.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		792.060.970.707	809.539.814.952
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	388.845.069.435	408.049.742.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	217.828.810.614	212.077.439.896
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.556.000.000	2.550.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	182.831.090.658	186.862.632.696
IV. Hàng tồn kho	140		28.523.350.070	14.651.447.301
1. Hàng tồn kho	141	V.7	28.523.350.070	14.651.447.301
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.948.022.028	2.188.529.697
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	2.114.138.627	1.071.708.105
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		536.948.609	866.821.592
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	296.934.792	250.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		714.257.108.012	758.521.379.845
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		106.995.174.812	104.391.781.622
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	106.995.174.812	104.391.781.622
II. Tài sản cố định	220		508.816.935.488	549.751.963.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	502.823.262.326	543.200.449.310
- Nguyên giá	222		1.007.961.569.844	1.007.961.569.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(505.138.307.518)	(464.761.120.534)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.993.673.162	6.551.514.432
- Nguyên giá	228		7.944.995.383	7.944.995.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.951.322.221)	(1.393.480.951)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.174.472.310	62.086.274.250
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	63.174.472.310	62.086.274.250
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	240.000.000	240.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		240.000.000	240.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		35.030.525.402	42.051.360.231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	35.030.525.402	42.051.360.231
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.542.407.726.459	1.597.492.328.954

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.131.582.582.023	1.134.762.297.870
I. Nợ ngắn hạn	310		853.462.522.421	810.149.576.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.470.357.863	65.443.272.756
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	849.576.710	2.351.599.395
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	664.876.486	213.124.920
4. Phải trả người lao động	314		2.046.812.931	3.140.960.736
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	217.921.583.855	153.442.285.665
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	14.737.064.649	62.603.134.776
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	587.537.340.579	522.720.288.475
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		234.909.348	234.909.348
II. Nợ dài hạn	330		278.120.059.602	324.612.721.799
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15b	56.431.024.039	74.621.024.039
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	221.689.035.563	249.991.697.760
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		410.825.144.436	462.730.031.084
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	410.825.144.436	462.730.031.084
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.142.927.632	9.142.927.632
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(98.317.783.196)	(46.412.896.548)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.587.103.452	47.335.216.213
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(101.904.886.648)	(93.748.112.761)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.542.407.726.459	1.597.492.328.954

Đào Văn Nam
 Người lập

Đào Văn Nam
 Kế toán trưởng



Đỗ Văn Sinh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		39.614.376.977	450.059.755.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	39.614.376.977	450.059.755.891
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	40.477.082.939	439.778.222.859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(862.705.962)	10.281.533.032
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	624.975.136	5.517.562.158
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	44.693.583.212	33.755.987.123
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.146.504.100	32.815.451.722
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.373.979.297	2.208.050.937
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.587.603.606	9.008.681.874
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(54.892.896.941)	(29.173.624.744)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	44.931.787	1.826.716.139
12. Chi phí khác	32	VI.7	46.894.753.318	3.689.699.344
13. Lợi nhuận khác	40		(46.849.821.531)	(1.862.983.205)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(101.742.718.472)	(31.036.607.949)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	162.168.176	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(101.904.886.648)	(31.036.607.949)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(2.038)	(621)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(2.038)	(621)


Đào Văn Nam
Người lập

Đào Văn Nam
Kế toán trưởngĐỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(101.742.718.472)	(31.036.607.949)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	40.935.028.254	39.407.093.676
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(411.758.513)	467.701.322
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(71.189.744)	(5.044.728.079)
Chi phí lãi vay	06	44.146.504.100	32.815.451.722
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(17.144.134.375)	36.608.910.692
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	14.396.898.047	104.676.387.338
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(13.871.902.769)	(221.528.260.458)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(34.937.234.734)	16.168.645.644
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	5.978.404.307	(3.482.393.101)
Tiền lãi vay đã trả	14	(265.956.340)	(15.460.002.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(4.366.240.521)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(14.756.554.803)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(45.843.925.864)	(102.139.507.474)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(150.470.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	390.606.810	143.521.535.810
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.452.773.748	26.170.456.018
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.843.380.558	19.221.991.828
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	60.102.267.073	573.877.229.214
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.074.506.574)	(601.043.716.623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.027.760.499	(27.166.487.409)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.972.784.807)	(110.084.003.055)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.371.157.159	121.626.009.988
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(96.710)	180.381.984
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.398.275.642	11.722.388.917



Đào Văn Nam
Người lập



Đào Văn Nam
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 08 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2006 và các lần thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 01 tháng 04 năm 2019.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 224 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 602 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty như sau:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh các loại sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng may sẵn trừ trang phục; May trang phục trừ trang phục từ da lông thú; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú; Sản xuất trang phục dệt kim đan móc; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, lắp đặt các thiết bị khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;...

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 15

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ngoài ra, Công ty có 2 dự án được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi, cụ thể:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) áp dụng cho Nhà máy kéo sợi 4.500 tấn – Đại Cường 2 là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra, theo giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 04/01/2007, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo. Năm 2020 nhà máy Đại Cường 2 chịu thuế suất thuế TNDN là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Dự án Nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ 4 có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 5 năm tiếp theo. Năm 2020, Nhà máy Đại Cường 5 chịu thuế suất 7,5%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	3.952.648.165	1.587.700.000
Tiền gửi ngân hàng	445.627.477	10.783.457.159
Cộng	4.398.275.642	12.371.157.159

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Đầu tư tài chính ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (*)	220.000.000	-	220.000.000	-
b. Đầu tư tài chính dài hạn				
Trái phiếu (**)	240.000.000	-	240.000.000	-
Cộng	460.000.000	-	460.000.000	-

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2017/1497403/HĐTG ngày 28/02/2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (bên A) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (bên B) số tiền 220.000.000 đồng, thời hạn 1 năm từ 28/02/2017 đến 28/02/2018; lãi suất 6,5%/năm (trả lãi một lần khi đến hạn). Đây là khoản tiền gửi đảm bảo cho nghĩa vụ tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân. Nếu tiền gửi đến hạn mà bên A chưa có nhu cầu rút thì bên B chủ động chuyển toàn bộ số tiền gốc sang kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất thông báo của bên B tại thời điểm chuyển.

(**) Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2018 đáo hạn năm 2028 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mã BIDV_18.06, số lượng 24 trái phiếu tại ngày 19/12/2018; mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu; thời hạn trái phiếu 10 năm; hình thức phát hành ghi sổ; ngày phát hành 19/12/2018; ngày đáo hạn 19/12/2028; Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 1%/năm; phương thức trả lãi: trả sau; thời điểm trả lãi: định kỳ 1 năm 1 lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phú Việt	140.370.055.754	140.370.055.754
Công ty Cổ phần Tân An	134.228.246.412	134.228.246.412
Công ty TNHH Xây dựng thương mại và dịch vụ Hoàng Phát	102.040.497.200	102.375.497.200
Công ty CP Đầu tư 3GR	9.777.486.214	9.777.486.214
Phải thu của khách hàng khác	2.428.783.855	21.298.456.780
Cộng	388.845.069.435	408.049.742.360
Phải thu khách hàng các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	9.777.486.214	9.777.486.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tongkook International Trading Co.,limited (*)	138.716.007.074	138.716.007.074
Công ty CP Đầu tư 3GR (**)	72.219.248.110	69.179.248.110
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	6.893.555.430	4.182.184.712
Cộng	217.828.810.614	212.077.439.896
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số VII.2)	72.219.248.110	69.179.248.110

(*) Bao gồm các hợp đồng mua bán máy móc thiết bị phục vụ cho dự án nhà máy Đức Quân 6. Công ty chưa thực hiện nhập các máy móc thiết bị phục vụ cho nhà máy Đức Quân 6 nguyên nhân là do việc triển khai xây dựng nhà máy sợi Đức Quân 6 đang tạm ngừng. Do ảnh hưởng của dịch bệnh covid -19, lượng đơn đặt hàng giảm mạnh kéo theo nhu cầu sản xuất giảm, Công ty chưa có nhu cầu về sử dụng bổ sung thêm các máy móc sản xuất.

(**) Số dư các khoản trả trước chủ yếu phát sinh từ năm 2018 theo hợp đồng nguyên tắc số 1511/DQ-3GR/2018 ngày 15/11/2018 và hợp đồng nguyên tắc số 0504/DQ-3GR/2019 ngày 05/04/2019 giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty CP Đầu tư 3GR, thời gian giao hàng dự kiến trên đơn đặt hàng từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 04 năm 2020. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid 19, các đơn đặt hàng sản xuất sợi giảm, nên Công ty chưa thực hiện nhập bóng về kho theo lịch nhận hàng dự kiến trên.

5. Phải thu về cho vay

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Chi nhánh công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường (*)	2.550.000.000	2.550.000.000
Đối tượng khác	6.000.000	-
Cộng	2.556.000.000	2.550.000.000
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường (**)	95.194.549.812	92.194.549.812
Công ty Cổ phần Bất động sản New City (***)	11.800.625.000	11.800.625.000
Đối tượng khác	-	396.606.810
Cộng	106.995.174.812	104.391.781.622
Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số VII.2)	109.545.174.812	106.569.710.622

(*) Khoản cho chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số ĐQ-CNĐC/HĐVT/01.2019 ngày 01/12/2019 với số tiền 2.550.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay vốn là 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Năm 2020 không tính lãi đối với khoản cho vay theo thỏa thuận không tính lãi các hợp đồng vay số TT/CNĐC-ĐQ/01.2020.

(**) Bao gồm các hợp đồng cho vay:

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số 25032017/HĐVT ngày 25/03/2017 với số tiền 23.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng lãi suất 9%/năm. Phụ lục hợp đồng gia hạn lần 1 số 01/25032017/HĐVT đến ngày 25/03/2019, phụ lục gia hạn lần 2 số 02/25032017 đến ngày 25/03/2020. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 01/07/2019, phụ lục hợp đồng được ký kết giữa công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. Phải thu về cho vay (Tiếp theo)**

- Khoản cho công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay với số tiền 30.000.000.000 đồng theo hợp đồng số TC_28.12.18/HĐVT ngày 28/12/2018. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 28/12/2019, Phụ lục hợp đồng số TC 01/TC_28.12.18/HĐVT/PL, được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_30.11.18/HĐVT ngày 30/11/2018 số tiền 265.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 30/11/2019, phụ lục hợp đồng số TC 01/TC_30.11.18/HĐVT/PL, được ký kết giữa công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_01.31.10.18/HĐVT ngày 31/10/2018 số tiền 265.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 30/10/2019, phụ lục hợp đồng số TC 01/TC_01.31.08.18/HĐVT/PL, được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_29.08.18/HĐVT ngày 29/08/2018 với số tiền 270.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 29/08/2019, phụ lục hợp đồng số TC 01/TC29.08.18/HĐVT/PL, được ký kết giữa công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_31.07.18/HĐVT ngày 31/07/2018 số tiền 290.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 31/07/2019 phụ lục hợp đồng số TC 01/TC31.07.18/HĐVT/PL, được ký kết giữa công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_13.07.18/HĐVT ngày 13/07/2018 số tiền 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 13/07/2018, Phụ lục hợp đồng số TC 01/TC13.17.18/HĐVT/PL, được ký kết giữa công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số ĐQ-DC/HĐVT/01.2018 ngày 15/02/2018 số tiền 11.765.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 15/05/2019, Phụ lục hợp đồng số TC 01/ĐQ-ĐC/HĐVT/01.2018/PL được ký kết giữa công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC010718/HĐVT ngày 01/07/2018 số tiền 22.097.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 01/07/2019, Phụ lục hợp đồng số 01/TC010718/HĐVT/PL, được ký kết giữa công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC100120/HĐVT ngày 10/01/2020 với số tiền 3.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 9%. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2020 không tính lãi đối với các khoản cho vay theo thỏa thuận không tính lãi các hợp đồng vay số TT/ĐC-ĐQ/01.2020.

(***) Bao gồm các hợp đồng cho vay:

- Khoản cho Công ty CP Bất động sản New City vay theo hợp đồng số 02012017/HĐVT ngày 02/01/2017 số tiền 58.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 05 tháng từ 03/01/2017 đến ngày 03/06/2017. Khoản cho vay đã được gia hạn thời hạn vay tiền từ 04/06/2017 đến 31/12/2018 theo phụ lục hợp đồng ký ngày 03/06/2017. Theo phụ lục hợp đồng gia hạn cho vay tiền lần 2 số PL02/02012017/HĐVT ngày 02/01/2019 thì thời hạn hợp đồng được gia hạn từ 01/01/2019 đến 31/12/2019. Lãi suất vay vốn là 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 01/05/2019, Phụ lục hợp đồng số 01/02012017/HĐVT/PL được ký kết giữa công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty CP Bất động sản New City thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty CP Bất động sản New City vay theo hợp đồng số ĐQ-NCT/HĐVT/01.2018 ngày 02/01/2018 số tiền 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tạm ứng	770.534.070	709.547.470
Phải thu khác ngắn hạn	182.060.556.588	186.153.085.226
<i>Công ty CP Bất động sản Đại Cường (*)</i>	<i>115.000.000.000</i>	<i>115.000.000.000</i>
<i>Công ty CP Bất động sản New City (**)</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Phải thu lãi cho vay</i>	<i>14.302.328.492</i>	<i>18.697.838.052</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>2.758.228.096</i>	<i>2.455.247.174</i>
Cộng	182.831.090.658	186.862.632.696
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số VII.2)	179.466.329.947	183.861.839.507

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 30112016 ngày 30/11/2016 và phụ lục hợp đồng số 01/30112016 ngày 30/11/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Theo đó, Công ty đầu tư 115.000.000.000 đồng để đầu tư vào dự án Khu thương mại dịch vụ căn hộ và phòng cho thuê tại số 55 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Khoản đầu tư có thời hạn đến ngày 31/12/2019. Sau khi dự án thực hiện thành công, công ty được hưởng 3000 m2 sàn thương mại văn phòng của dự án, tương đương với 38,3 triệu đồng/m2 (đã bao gồm thuế GTGT) tại vị trí đã được phê duyệt theo thỏa thuận giữa 2 bên hoặc Công ty được hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn cộng một khoản lãi với lãi suất 15%/năm tính trên tổng số tiền nhà đầu tư đã thực góp. Tài sản đảm bảo của khoản đầu tư này là 11.500.000 cổ phiếu của ông Lê Mạnh Thường tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân. Đến thời điểm 30/06/2020, số cổ phần của ông Lê Mạnh Thường sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân là 5.100.000 cổ phần. Theo nghị quyết số 208/2019/NQ-FTM-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2019, Công ty sẽ thực hiện thoái vốn đầu tư trên, thời gian thoái vốn từ tháng 11 năm 2019 đến hết tháng 3 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**6. Phải thu về cho vay (Tiếp theo)**

(**) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản New City theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lạc tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 m² để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019; Nhà đầu tư sẽ chuyển tiền góp vốn vào tài khoản góp vốn; việc triển khai hợp đồng hợp tác đầu tư được thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực Hợp đồng. Sau khi dự án thực hiện thành công, Công ty có trách nhiệm bán giao cho Nhà đầu tư được quyền khai thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000m² hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn và một khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu tư chuyển khoản góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.

12
3 T
HH
TO
CS
12

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông
Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.877.344.543	-	5.796.289.178	-
Công cụ, dụng cụ	6.799.310.907	-	6.448.699.812	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	730.566.423	-
Thành phẩm	10.846.694.620	-	1.675.891.888	-
Cộng	28.523.350.070	-	14.651.447.301	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu kỳ	165.713.598.201	836.667.828.918	1.621.818.182	3.958.324.543	1.007.961.569.844
Tại ngày cuối kỳ	165.713.598.201	836.667.828.918	1.621.818.182	3.958.324.543	1.007.961.569.844
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu kỳ	42.209.836.253	421.087.486.201	865.643.975	598.154.105	464.761.120.534
Khấu hao trong kỳ	4.613.747.199	35.363.292.548	141.090.913	259.056.324	40.377.186.984
Tại ngày cuối kỳ	46.823.583.452	456.450.778.749	1.006.734.888	857.210.429	505.138.307.518
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	123.503.761.948	415.580.342.717	756.174.207	3.360.170.438	543.200.449.310
Tại ngày cuối kỳ	118.890.014.749	380.217.050.169	615.083.294	3.101.114.114	502.823.262.326

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2020 là 503.947.090.895 đồng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 252.211.102 đồng, tại ngày 01/01/2020 là 252.211.102 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẬN**Mẫu số B 09a - DN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
9. Tài sản cố định vô hình

	Phân mềm máy tính	
	VND	Cộng VND
NGUYỄN GIẢ		
Tại ngày đầu kỳ	7.944.995.383	7.944.995.383
Tại ngày cuối kỳ	7.944.995.383	7.944.995.383
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu kỳ	1.393.480.951	1.393.480.951
Khấu hao trong kỳ	557.841.270	557.841.270
Tại ngày cuối kỳ	1.951.322.221	1.951.322.221
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	6.551.514.432	6.551.514.432
Tại ngày cuối kỳ	5.993.673.162	5.993.673.162

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nhà máy Đức Quận 6	63.174.472.310	62.086.274.250
Cộng	63.174.472.310	62.086.274.250

Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quận 6 được triển khai tại Khu công nghiệp Khí mỏ Tiên Hải, tỉnh Thái Bình, và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749.772.160 đồng. Việc triển khai xây dựng nhà máy sợi Đức Quận 6 đang tạm ngừng, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh covid -19, lượng đơn đặt hàng giảm mạnh kéo theo nhu cầu sản xuất giảm nên Công ty đang tạm ngừng hoạt động xây dựng nhà máy trên.

11. Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	511.388.307	727.082.658
Chi phí mua bảo hiểm	1.118.436.602	135.325.768
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	484.313.718	209.299.679
Cộng	2.114.138.627	1.071.708.105
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.068.454.662	11.430.987.083
Chi phí trả trước dài hạn khác	25.962.070.740	30.620.373.148
Cộng	35.030.525.402	42.051.360.231

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẢN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông
 Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Miền Trung	19.480.435.650	19.480.435.650	19.480.435.650	19.480.435.650
Jiangsu Hongdong Polymer new materials Co.,Ltd	2.497.540.346	2.497.540.346	-	-
Indorama Polyester Industries Public Company Limited	2.168.243.390	2.168.243.390	-	-
Các nhà cung cấp khác	5.324.138.477	5.324.138.477	45.962.837.106	45.962.837.106
Cộng	29.470.357.863	29.470.357.863	65.443.272.756	65.443.272.756
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2)	19.480.435.650	19.480.435.650	19.480.435.650	19.480.435.650

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đức Hiếu	364.411.289	364.411.289	419.999.998	419.999.998
Công ty TNHH Dệt May Mỹ Thịnh	200.000.001	200.000.001	-	-
Người mua trả tiền trước khác	285.165.420	285.165.420	1.931.599.397	1.931.599.397
Cộng	849.576.710	849.576.710	2.351.599.395	2.351.599.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. Thuế và các khoản phải thu/phải trả nhà nước

	30/06/2020	Số phải nộp	Số đã thực nộp/ được khấu trừ	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	209.102.968	-	209.102.968	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	87.831.824	162.168.176	-	250.000.000
Cộng	296.934.792	162.168.176	209.102.968	250.000.000
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.878.227.086	3.878.227.086	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	126.874.404	126.874.404	-
Thuế thu nhập cá nhân	203.176.506	183.742.890	193.691.304	213.124.920
Các loại thuế khác	461.699.980	551.828.761	90.128.781	-
Cộng	664.876.486	4.740.673.141	4.288.921.575	213.124.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****15. Chi phí phải trả**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (*)	191.307.337.803	152.611.613.240
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội	25.712.419.543	724.378.273
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	61.381.342
Các khoản trích trước khác	901.826.509	44.912.810
Cộng	217.921.583.855	153.442.285.665
b. Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (*)	56.431.024.039	74.621.024.039
Cộng	56.431.024.039	74.621.024.039

(*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HĐTDDT-NHPT ngày 31/12/2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/1/2014 là 46.898.504.116 đồng. Số lãi này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến tháng 01 năm 2023. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.

Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31/12/2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/09/2014 là 82.522.519.923 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến quý I năm 2025. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01/12/2014 sẽ được trả hàng tháng.

Đến thời điểm 30/06/2020, lãi vay ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ là 168.909.654.404 đồng.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	67.659.000	4.614.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	14.252.830.649	12.181.945.776
Cổ tức, lợi nhuận phải trả:	416.575.000	50.416.575.000
Cộng	14.737.064.649	62.603.134.776

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẢN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông
 Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	444.781.990.567	444.781.990.567	60.519.868.342	24.074.506.574	408.336.628.799	408.336.628.799
Vay bằng VND						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (i)	310.946.508.292	310.946.508.292	57.431.907.073	9.313.142.000	262.827.743.219	262.827.743.219
Vay bằng USD						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (i)	133.835.482.275	133.835.482.275	417.601.269	3.237.500.000	136.655.381.006	136.655.381.006
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long	-	-	-	8.853.504.574	8.853.504.574	8.853.504.574
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh(HDBank) - Chi nhánh Hải Đăng	-	-	2.670.360.000	2.670.360.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	142.755.350.012	142.755.350.012			114.383.659.676	114.383.659.676
(Trình bày thuyết minh vay dài hạn)						
Cộng	587.537.340.579	587.537.340.579	60.519.868.342	24.074.506.574	522.720.288.475	522.720.288.475

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/1497403/HĐTĐ ngày 30 tháng 07 năm 2019. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 570 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 270 tỷ đồng. Hạn mức chiết khấu là 100 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá ngày 31/01/2020. Thời hạn cho vay, lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là tài sản máy móc thuộc dây chuyền sản xuất 1.740 tấn, kho vật liệu phụ, hợp đồng thế chấp quyền sở hữu căn hộ ngày 13/06/2016 ký giữa ông Lê Mạnh Thường, bà Bùi Thị Hằng và Ngân hàng, hợp đồng cầm cố số 01/2017/1497403/CC/HĐBB ngày 20/02/2017 ký giữa Công ty và ngân hàng, máy ghép và máy xe kiện, máy chải thô, máy kiểm tra độ bền sợi, hệ thống server và phụ trợ,...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông
 Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	364.444.385.575	364.444.385.575	69.028.139	-	364.375.357.436	364.375.357.436
Các khoản vay dài hạn của Công ty	101.467.086.399	101.467.086.399	27.328.139	-	101.439.758.260	101.439.758.260
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	36.624.507.500	36.624.507.500	-	-	36.624.507.500	36.624.507.500
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình (ii)	56.365.761.349	56.365.761.349	-	-	56.365.761.349	56.365.761.349
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng USD</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	8.476.817.550	8.476.817.550	27.328.139	-	8.449.489.411	8.449.489.411
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	262.977.299.176	262.977.299.176	41.700.000	-	262.935.599.176	262.935.599.176
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình (iii)	242.225.279.176	242.225.279.176	-	-	242.225.279.176	242.225.279.176
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-	7.800.000.000	7.800.000.000
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	12.952.020.000	12.952.020.000	41.700.000	-	12.910.320.000	12.910.320.000
Cộng	364.444.385.575	364.444.385.575	69.028.139	-	364.375.357.436	364.375.357.436

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông
 Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)**

	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	142.755.350.012	142.755.350.012			114.383.659.676	114.383.659.676
Các khoản vay dài hạn của Công ty	48.982.587.500	48.982.587.500			14.040.000.000	14.040.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình	33.055.000.000	33.055.000.000			14.040.000.000	14.040.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	15.927.587.500	15.927.587.500			-	-
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường:	93.772.762.512	93.772.762.512			100.343.659.676	100.343.659.676
Vay tổ chức tín dụng bằng VND						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình	73.020.742.512	73.020.742.512			68.415.752.176	68.415.752.176
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	7.800.000.000	7.800.000.000			19.017.587.500	19.017.587.500
Vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	12.952.020.000	12.952.020.000			12.910.320.000	12.910.320.000
Cộng vay dài hạn	221.689.035.563	221.689.035.563			249.991.697.760	249.991.697.760

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẢN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 06 tháng 10 năm 2016, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2021. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là: Toàn bộ là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội là Nhà máy Đức Quản 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.

- Khế ước vay dài hạn số 15082000222569 số tiền 20.696.920.000 đồng, giải ngân ngày 28/09/2018. Thời hạn vay 10 năm. Mục đích vay để đầu tư nhà máy Đức Quản 6.

(ii) Bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quản 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%/ năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quản 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

- Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quản 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2 năm 2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 9%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB- Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quản 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

- (iii) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:
- Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.
 - Hợp đồng số 01/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.
- (iv) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2020. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng; các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẢN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông
 Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2019	500.000.000.000	7.727.176.184	73.750.967.661	581.478.143.845
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	(93.748.112.761)	(93.748.112.761)
Phân phối lợi nhuận	-	1.415.751.448	(1.415.751.448)	-
Trả cổ tức	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	500.000.000.000	9.142.927.632	(46.412.896.548)	462.730.031.084
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	(101.904.886.648)	(101.904.886.648)
Tặng khác (i)	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Số dư tại ngày 30/06/2020	500.000.000.000	9.142.927.632	(98.317.783.196)	410.825.144.436

(i) Theo nghị quyết số 70/2020/NQ-ĐHĐCĐ-ĐQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 25 tháng 06 năm 2020, Công ty sẽ không chi trả cổ tức năm 2017, 2018 và 2019 với tổng giá trị cổ tức không chi trả là 50.000.000.000 đồng.

b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Vốn góp của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****c. Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	39.614.376.977	367.417.393.641
Doanh thu bán hàng hóa	-	82.642.362.250
Cộng	39.614.376.977	450.059.755.891

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	40.477.082.939	358.364.373.632
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	81.413.849.227
Cộng	40.477.082.939	439.778.222.859

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	71.189.744	15.483.918
Lãi cho vay ngắn hạn	-	5.029.244.161
Lãi chênh lệch tỷ giá	553.785.392	472.834.079
Cộng	624.975.136	5.517.562.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	44.146.504.100	32.815.451.722
Lỗ chênh lệch tỷ giá	547.079.112	940.535.401
Cộng	44.693.583.212	33.755.987.123

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Lương và các khoản trích theo lương	3.513.065.226	3.312.026.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.648.207.646	1.322.727.930
Chi phí công cụ dụng cụ	514.605.454	328.836.174
Thuế, phí và lệ phí	44.954.753	-
Chi phí mua ngoài bằng tiền	850.295.233	970.270.371
Chi phí mua ngoài khác	2.016.475.294	3.074.820.570
Cộng	8.587.603.606	9.008.681.874
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Lương và các khoản trích theo lương	250.772.051	734.501.146
Chi phí công cụ dụng cụ	64.142.291	-
Chi phí mua ngoài bằng tiền	117.788.766	873.357.606
Chi phí mua ngoài khác	941.276.189	600.192.185
Cộng	1.373.979.297	2.208.050.937

6. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Thu tiền bông thiếu	-	1.717.804.019
Thanh lý khác	-	78.300.800
Các khoản thu nhập khác	44.931.787	30.611.320
Cộng	44.931.787	1.826.716.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**7. Chi phí khác**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	704.079.751	497.645.967
Phạt chậm nộp thuế	211.738.099	20.273.291
Khấu hao tài sản vượt định mức	41.598.658.117	2.948.292.008
Chi phí lương vượt định mức	3.300.719.759	-
Chi phí khác	1.079.557.592	223.488.078
Cộng	46.894.753.318	3.689.699.344

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(101.742.718.472)	(31.036.607.949)
Các khoản loại trừ ra khỏi chi phí tính thuế		
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	46.772.024.937	3.689.699.344
Lợi nhuận tính thuế hoạt động sản xuất kinh doanh	(54.970.693.535)	(27.346.908.605)
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Truy thu thuế TNDN	162.168.176	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	162.168.176	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(101.904.886.648)	(31.036.607.949)
Trừ: Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(101.904.886.648)	(31.036.607.949)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên một cổ phiếu	(2.038)	(621)
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.599.969.497	266.561.453.809
Chi phí nhân công	7.849.721.491	24.231.462.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.462.143.293	39.964.934.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.274.048.703	124.107.593.552
Chi phí khác bằng tiền	4.693.019.167	5.061.813.629
Cộng	58.878.902.151	459.927.258.609

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của chuẩn mực số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất sợi và bộ phận địa lý chính là ở Việt Nam do đó Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường
 Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Đại Cường
 Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR
 Công ty CP Bất động sản Đại Cường
 Bà Lê Thủy Anh
 Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 Công ty CP Bất động sản New City

Mối quan hệ

Công ty có liên quan
 Công ty có liên quan
 Công ty có liên quan
 Công ty có liên quan
 Cổ đông lớn
 Công ty có liên quan
 Công ty có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lãi cho vay, lãi trả chậm	4.395.509.560	4.750.320.098
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	4.015.209.560	4.440.267.598
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Đại Cường	10.300.000	310.052.500
Công ty CP Bất động sản New City	370.000.000	-
Cho vay	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	3.000.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	24.535.810	6.825.464.190
Chi nhánh công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	24.535.810	6.825.464.190
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.040.000.000	33.237.175.845
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	3.040.000.000	33.237.175.845
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản cho vay	109.545.174.812	106.569.710.622
Chi nhánh công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	2.550.000.000	2.574.535.810
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	95.194.549.812	92.194.549.812
Công ty Cổ phần Bất động sản Newcity	11.800.625.000	11.800.625.000
Các khoản phải thu khách hàng	9.777.486.214	9.777.486.214
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	9.777.486.214	9.777.486.214
Các khoản phải thu khác	179.302.328.492	183.697.838.052
Công ty CP Bất động sản Đại Cường	123.709.362.900	123.709.362.900
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	5.556.570.383	9.571.779.943
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Đại Cường	31.423.365	41.723.365
Công ty CP Bất động sản New City	50.004.971.844	50.374.971.844
Tạm ứng	164.001.455	164.001.455
Bà Lê Thùy Anh	164.001.455	164.001.455
Trả trước cho người bán ngắn hạn	72.219.248.110	69.179.248.110
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	72.219.248.110	69.179.248.110
Phải trả nhà cung cấp	19.480.435.650	19.480.435.650
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Miền Trung	19.480.435.650	19.480.435.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Khoản mục	Từ ngày	Từ ngày
	01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	900.926.667	1.108.290.392
Cộng	900.926.667	1.108.290.392

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sự lây lan của dịch bệnh do Covid19 gây ra đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến khó dự đoán của dịch bệnh Covid19 bùng phát lần thứ 2 ở Việt Nam. Sự kiện này đã tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản.

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của Covid19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, kèm theo các kế hoạch thích hợp trong ngắn hạn và dài hạn để kiểm soát sự không chắc chắn. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Ban Tổng Giám đốc đang chủ động xem xét lại chiến lược kinh doanh, làm việc với các đối tác và các tổ chức tín dụng nhằm ứng phó với tình hình tài chính hiện tại.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2020 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được soát xét.



Đào Văn Nam
Người lập



Đào Văn Nam
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 08 năm 2020